

BƯỚC ĐẦU TÌM HIỂU NHỮNG VẤN ĐỀ LỊCH SỬ VỀ XUNG ĐỘT XÃ HỘI

VÔ KHÁNH VINH(*)

Xung đột xã hội và đồng thuận xã hội là những vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt trong sự phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội. Trong bài viết này, tác giả đã khảo sát các quan niệm khác nhau trong lịch sử về xung đột xã hội, từ thời cổ đại, cận đại đến nửa đầu thế kỷ XX. Theo tác giả, những ưu điểm và nhược điểm tạo thành thực chất của hiện tượng hết sức phức tạp như xung đột xã hội, ở mức độ đáng kể, được xác định bởi đặc điểm phương pháp luận của các phương hướng nghiên cứu; chúng ta có thể lựa chọn trong đó những tư tưởng có tính phổ quát và tính thời sự đối với các quan điểm hiện đại về xung đột xã hội.

Xung đột xã hội và đồng thuận xã hội là những vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt trong phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội, có phạm vi và quy mô rộng lớn, bao gồm nhiều nội dung, lĩnh vực cụ thể khác nhau. Kinh nghiệm nghiên cứu những vấn đề này chưa có nhiều, hơn nữa, lại được đặt trong quá trình đổi mới đang được tiến hành ngày càng sâu rộng trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội nước ta. Do vậy, xét trên tất cả các phương diện, đây là những vấn đề rất khó khăn và phức tạp. Xung đột xã hội và đồng thuận xã hội là những vấn đề “trường tồn” gắn liền với sự phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội, đồng thời ở mỗi giai đoạn phát triển xã hội, ngoài những quy luật, đặc điểm chung còn có các đặc điểm đặc thù do thực tiễn phát triển xã hội ở giai đoạn đó đặt ra. Có thể nói, nghiên cứu xung đột xã hội và đồng thuận xã hội là nội dung quan trọng của nghiên cứu phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội, là những vấn đề cơ bản cần được tiến hành thường xuyên, có ý nghĩa thực tiễn vô cùng quan trọng trong việc bảo đảm cho đất nước phát triển ổn định và bền vững.

Trong những vấn đề nghiên cứu về xung đột xã hội, có những vấn đề thuộc về phương diện lịch sử của nó. Bài viết này bước đầu tìm hiểu phương diện đó.

Nhận thức về xung đột xã hội bao gồm việc nghiên cứu *lịch sử tư tưởng về xung đột xã hội và lịch sử xung đột xã hội trong hiện thực phát triển* của xã hội loài người nói chung, ở nước ta nói riêng. Việc nghiên cứu vấn đề này có mục đích làm rõ tư tưởng về xung đột xã hội được bàn đến từ khi nào? Trong quá trình phát triển lịch sử, tư tưởng về xung đột xã hội được bổ sung, làm phong phú thêm bởi những nội dung nào? Tư tưởng về xung đột xã hội đã trải qua mấy giai đoạn phát triển? Đến nay, tư tưởng về xung đột xã hội có còn giá trị hay không? Xung đột xã hội đã diễn ra trong lịch sử xã hội loài người như thế nào?... Để làm rõ những vấn đề nói trên đòi hỏi phải có kế hoạch và tổ chức nghiên cứu một cách cơ bản, có hệ thống. Theo chúng tôi, cần đặt ra những vấn đề nghiên cứu theo logic thời gian như sau:

a) Tư tưởng và quan niệm về xung đột xã hội trong thời kỳ cổ đại, bao gồm cả tư

(*) Giáo sư, tiến sĩ luật học, Phó Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

tưởng và quan niệm về khái niệm, nguyên nhân và các giải pháp giải quyết xung đột xã hội.

b) Tư tưởng và quan niệm về xung đột xã hội thời cận đại, bao gồm cả tư tưởng và quan niệm về khái niệm, nguyên nhân và các giải pháp giải quyết xung đột xã hội.

c) Xung đột học và chủ nghĩa Mác.

1. Các quan niệm về xung đột xã hội trong thời kỳ cổ đại

Dường như không cần phải nhìn sâu vào quá khứ của lịch sử xã hội loài người, nên khoa học hiện đại cũng đã phát hiện ra rằng, xung đột luôn đồng hành với sự phát triển xã hội. Ở đâu có con người, ở đó có sự xung đột xã hội. Ngay trong thời kỳ cổ đại xa xưa, con người đã quan tâm nghiên cứu tính phổ biến rộng rãi của xung đột xã hội và vai trò của nó đối với đời sống xã hội.

Hiện nay, chúng ta biết được rất nhiều và đôi khi thấy có những ý kiến nhận xét rất sâu sắc về nguyên nhân dẫn đến các cuộc xung đột xã hội và các biện pháp khắc phục chúng trong các câu chuyện thần thoại, trong các tư tưởng của các nhà triết học, nhà sử học, nhà văn của những thế kỷ trước đây. Thời bấy giờ người ta coi quyền lực cá nhân của các vị trưởng lão, các thủ lĩnh là phương thức cơ bản để giải quyết xung đột xã hội. Tuy nhiên, sự hình thành các cấu trúc tiền nhà nước không phải bao giờ cũng làm cho xã hội phát triển một cách hài hòa mà đôi khi còn làm tăng nhanh tình trạng bất bình đẳng xã hội, làm gia tăng các cuộc xung đột xã hội cũng như nhu cầu nhận thức về chúng. Chính vì vậy, trong suốt chiều dài hàng ngàn năm, con người vẫn tiếp tục sống và hy vọng vào một tương lai tốt đẹp hơn, trong đó mọi nơi trên trái đất không có chiến tranh, mọi tranh chấp và thù địch thực sự biến mất.

Các nhà triết học Hy Lạp cổ đại là những người đầu tiên tìm hiểu một cách tương đối tường tận bản chất của các cuộc

xung đột xã hội. Nhà triết học Hêraclít (530 - 470 TCN.) đã cố gắng gắn những lập luận của mình về các cuộc chiến tranh và xung đột xã hội với hệ thống các quan điểm chung về thế giới quan. Theo ông, vạn vật kể cả các quy tắc giao tiếp của con người biến đổi không ngừng và chuyển hóa lẫn nhau. "Vạn vật trên thế giới đều được sinh ra từ sự thù địch và sự bất hòa. Chiến tranh là luật chung duy nhất thống trị trên hành tinh này, là cha của tất cả mọi người, là chúa tể của tất cả muôn loài. Đối với một số người, chiến tranh ấn định là chúa trời, còn một số khác, chiến tranh ấn định là con người. Chiến tranh biến một số người thành kẻ nô lệ, một số khác thành người tự do"(1). Luận điểm đó của Hêraclít thể hiện ý định của ông trong việc lập luận về vai trò tích cực của các cuộc xung đột xã hội đối với quá trình phát triển của xã hội. Các cuộc xung đột nói ở đây hiện diện với tính cách là thuộc tính, điều kiện quan trọng và tất yếu của đời sống xã hội. Các tư tưởng của Hêraclít về các cuộc xung đột xã hội và chiến tranh với tính cách nền tảng của vạn vật được Epiquya (341 - 270 TCN.) - nhà triết học duy vật cổ đại, chia sẻ mặc dù ông vẫn cho rằng những hậu quả tiêu cực của các cuộc đụng độ buộc mọi người phải sống trong trạng thái hòa bình và ổn định. Những ước mơ về một trạng thái xã hội không có xung đột xã hội bước đầu được bồi đắp bằng những biện luận như vậy.

Trong thời kỳ đầu phát triển của mình, căn cứ vào giáo huấn của EVANGELIA (Đức Chúa Trời) triết học Cơ Đốc giáo cố gắng chứng minh tính ưu việt của hòa bình, của sự đồng thuận và của tình anh em giữa mọi người với nhau. Ngay tại thời điểm

(1) Xem: V.A.Gutorov. *Chủ nghĩa xã hội không tưởng cổ đại. Những vấn đề lý luận và thực tiễn*. Leningrad, 1989 (tiếng Nga).

giao thời giữa thế kỷ II và thế kỷ III, C.A.Orighen và Tertulian đã chống lại các cuộc xung đột vũ trang, lập luận của các ông không tác động nhiều tới quá trình phát triển tất yếu của lịch sử. Đầu thế kỷ thứ IV, với học thuyết "Khristôs", nguyên tắc về tính xung đột của các cuộc chiến tranh đã bắt đầu bị nghi ngờ.

Trong thời kỳ Phục hưng, người ta đã nêu ra những đánh giá phức tạp và khác nhau về các cuộc xung đột xã hội. Những người theo chủ nghĩa nhân đạo, như T.Morơ, E.Potterdamskia, Ph.Ravle, Ph.Bêcơn thường xuyên lên án các cuộc xung đột xã hội và các cuộc xung đột vũ trang.

Chẳng hạn, E.Potterdamskia (1469 - 1536) không chỉ nhận xét "chiến tranh quả là ngọt ngào đối với những ai không biết đến chiến tranh", mà còn chỉ ra rằng, có một lôgic riêng của xung đột xã hội là khi tất cả các tầng lớp dân cư của đất nước bị cuốn vào quỹ đạo của sự xung đột thì xung đột sẽ phát triển theo phản ứng dây chuyền tương tự. E.Potterdamskia đã chú ý đến tính phức tạp của việc dung hòa quan điểm của các bên đối lập trong cuộc xung đột xã hội, thậm chí cả trường hợp khi hai bên cùng dựa trên quan điểm tư tưởng thống nhất. "Điều phi lý nhất", theo E.Potterdamskia, là ở chỗ, "khi tham gia vào cả hai phái thù địch Khristos đang đấu tranh chống lại bản thân"(2).

Những lập luận của nhà triết học người Anh Ph.Bêcơn (1561 - 1626) về bản chất của các cuộc xung đột xã hội mang tính súc tích đặc biệt. Ông là người đầu tiên phân tích cơ sở lý luận của tổng thể các nguyên nhân dẫn đến các cuộc xung đột xã hội trong nội bộ đất nước, xem xét một cách cụ thể các điều kiện vật chất, chính trị và tâm lý của các vụ lộn xộn trong xã hội cũng như những phương thức có thể khắc phục chúng. Ông đặc biệt chú ý đến vai trò quyết

định của các điều kiện vật chất đối với sự hình thành tình trạng mất trật tự xã hội. Một trong những nguyên nhân đó, theo Ph.Bêcơn, là do sự nghèo đói về vật chất của nhân dân: "Trong quốc gia có bao nhiêu người bị bần cùng hóa thì có bấy nhiêu người sẵn sàng trở thành kẻ nổi loạn"(3). Và nếu như giới quý tộc bị khánh kiệt về tài sản, bị bần cùng hóa và trở thành dân thường thì sự nguy hiểm lại càng lớn và càng không thể tránh khỏi những vụ nổi loạn, bởi lẽ những vụ nổi loạn, xuất phát từ những "miếng ăn" là những "vụ nổi loạn tồi tệ nhất".

Khi phân tích các nguyên nhân chính trị của những cuộc xung đột, Ph.Bêcơn nhấn mạnh rằng, các vị Hoàng đế (Quốc vương) bị ràng buộc bởi địa vị đứng đầu quốc gia nên giải quyết mọi vấn đề một cách tùy tiện theo sự suy xét của mình, không cần phải tôn trọng ý kiến của các tầng lớp và của nghị viện. "Nhân dân", theo ông, "không thể chịu đựng được sự tùy tiện đó và họ tự suy nghĩ về việc thành lập và cũng có các hình thức cai trị mới. Các quan đại thần và một số người trong giới quý tộc bắt đầu ngấm ngấm xúi giục dân chúng thực hiện điều đó. Một khi nhận được sự làm nger của các quan đại thần và một số người trong giới quý tộc, nhân dân lại dấy lên những phong trào phản đối chống lại Nhà nước". Ngoài việc chỉ ra sai lầm về chính trị trong phong cách cai trị, Ph.Bêcơn còn chỉ ra một loạt các yếu tố thuộc về tâm lý của các vụ lộn xộn xã hội. Trong số những yếu tố đó, có những lời châm chọc gay gắt và độc ác "từ miệng lưỡi của Hoàng đế"; "sự ghen tỵ, sự đố kỵ trong cuộc sống xã hội"; "những lời nhục mạ, những lời đồn thổi giả

(2) Xem: Erazm Potterddamsskia. *Pisma mořale*, 1970, tr.289, 290.

(3) Ph.Bêcơn, *Tuyển tập gồm 2 tập*, t.2. Mátxcova, 1979, tr.382 (tiếng Nga).

tạo phê phán chính phủ”, v.v.. Lưu ý đến các phương tiện cụ thể nhằm ngăn ngừa những cuộc xung đột xã hội, Ph.Bêcơn nhấn mạnh rằng, “mỗi một căn bệnh” đều có thứ thuốc của mình, thứ thuốc đầu tiên là bằng tất cả các phương thức có thể để xóa bỏ các nguyên nhân mang tính vật chất của các cuộc xung đột xã hội, trong đó có việc khắc phục tình trạng sống dưới mức yêu cầu của các tầng lớp, đẳng cấp cụ thể trong xã hội. Theo ông, sự không hài lòng của một trong những tầng lớp cơ bản chưa tạo ra sự nguy hiểm thực sự, “vì nhân dân chưa cùng nhau tụ tập để vùng lên phản kháng một khi các vị đại thần chưa thức tỉnh họ làm điều đó, còn các vị đại thần cũng sẽ không có sức mạnh nếu họ chưa gây dựng trong bản thân nhân dân sự phản nộ đối với chính thể hiện thời. Sự nguy hiểm chỉ thực sự lớn khi những vụ nổi loạn mà giới quý tộc mong đợi xảy ra trong dân chúng và ngay lập tức giới quý tộc thể hiện vai trò “lãnh đạo” của mình.

Phương tiện quan trọng để ngăn ngừa các cuộc xung đột xã hội, theo Ph.Bêcơn, đó là nghệ thuật sử dụng các thủ đoạn chính trị. Biện pháp “tuyệt vời” và “tự chủ” ngăn chặn các cuộc xung đột xã hội, theo Ph.Bêcơn, là quan tâm đến việc làm sao để những người không hài lòng có được vị lãnh tụ thích hợp có khả năng tập hợp họ lại với nhau và làm sao để có được một hoặc tốt hơn là một số người có khả năng đàn áp các vụ lộn xộn và nổi loạn của dân chúng. Ph.Bêcơn không những chỉ ra sự cần thiết phải có những con người như vậy, mà còn nêu rõ những phẩm chất cơ bản họ cần phải có. Ông viết rằng, phải làm sao để cho những vị thủ lĩnh quân sự đó trở thành những người đáng tin cậy và đáng kính chứ không phải là những người thích chia rẽ và những người thích đi tìm sự nổi tiếng, làm

sao để họ hòa hợp được với những nhân vật quan trọng khác trong Nhà nước.

2. Các quan niệm về xung đột xã hội thời cận đại

Trong thời kỳ này, các nhà dân chủ Anh và các nhà Khai sáng của nước Pháp, như D.Pristan, Sh.Monteskiơ, Đ.Điđrô, J.J.Russo, Vôn-te công khai phê phán các cuộc xung đột vũ trang, công khai lên án sự xâm lược và dùng bạo lực. Họ coi các cuộc xung đột vũ trang là những tàn tích của thời kỳ man rợ và cho rằng, chỉ có xóa bỏ những nền tảng phong kiến mới tiến đến được nền hòa bình vĩnh cửu⁽⁴⁾. Chính vì vậy, các nhà dân chủ Anh và các nhà Khai sáng Pháp đã chú ý nhiều đến việc tìm kiếm những hình thức tổ chức hợp lý đời sống xã hội, loại trừ các nguyên nhân dẫn đến các cuộc xung đột xã hội vốn bám sâu vào các nhà nước đã lỗi thời.

Đến thế kỷ XVIII, các bản dự thảo khác nhau được viết từ hàng trăm năm trước bắt đầu được đưa ra tranh luận một cách sôi nổi và rộng rãi. Logic tranh luận và những ý tưởng được nêu ra trong quá trình tranh luận có ý nghĩa to lớn và giữ nguyên tính cấp thiết cho đến tận ngày nay. Ở mức độ đáng kể, các nhà tư tưởng đã cố gắng nhận thức logic thống nhất của sự phát triển của thế giới, xem xét đời sống xã hội trong phạm vi lịch sử toàn thế giới. Mọi khía cạnh của những vấn đề đó được thể hiện rõ nét nhất trong triết lý của J.J.Russo (1712 - 1778) về xã hội. Quá trình lịch sử thế giới, theo cách hiểu của Russo, dường như được chia thành ba thời điểm cấu thành: trước hết, đó là sự tồn tại của “trạng thái tự nhiên” khi con người có sự tự do và bình đẳng; tiếp đến là sự phát triển của nền văn minh làm cho con người bị mất đi trạng

(4) Các tài liệu của nước Anh ở thế kỷ XVIII, gồm 3 tập, t.3. Mátxcova, 1968, tr.501 (tiếng Nga).

thái bình đẳng, tự do và hạnh phúc và cuối cùng, bằng việc ký kết “Khế ước xã hội”, con người, một lần nữa, tìm thấy sự hòa hợp vốn đã mất đi trong các quan hệ xã hội, tìm thấy “thế giới vĩnh hằng”, tìm thấy sự đồng thuận và sự thống nhất. Thật ra, những vấn đề trên đây làm bùng nổ các cuộc tranh luận sôi nổi của thời kỳ cận đại.

Có khá nhiều người trong số những người đương thời với J.J.Russo chia sẻ quan điểm của ông về bản chất của cái gọi là “trạng thái tự nhiên” của xã hội. Nhà triết học nổi tiếng người Đức Imanuel Kant (1724 - 1804) cho rằng, tình hình hòa bình giữa những người láng giềng không phải là trạng thái tự nhiên..., ngược lại, tình hình chiến tranh là trạng thái tự nhiên, tức nếu như không thường xuyên xảy ra những hành động thù địch không có nghĩa rằng không có nguy cơ xảy ra những hành động đó. Nguy cơ đó vẫn luôn luôn rình rập và trở thành hiện thực bất cứ lúc nào. Rõ ràng, tình hình “hòa bình cần phải được xác lập”(5). Trong quan điểm này của Kant, *một mặt*, chúng ta thấy lập trường của T.Gopps vốn coi “trạng thái tự nhiên” là trạng thái “chiến tranh của tất cả chống lại tất cả”; *mặt khác*, là lập trường của J.J.Russo vốn hy vọng vào khả năng xác lập trong tương lai trạng thái hòa bình và đồng thuận mới về nguyên tắc.

Trong thời kỳ lịch sử cận đại, người ta cũng đã nêu ra những ý kiến rất khác nhau về nguyên nhân của các cuộc xung đột xã hội và triển vọng khắc phục chúng. Tuy nhiên, trong tất cả những ý kiến vốn rất đa dạng và khác nhau đó, người ta cũng tìm thấy khá nhiều điểm giống nhau, chẳng hạn, đều thừa nhận vai trò quyết định của sự đồng thuận giữa mọi người với nhau đối với sự phát triển của xã hội; đều đánh giá tính chất tiêu cực của các cuộc nổi loạn, mất trật tự xã hội và chiến tranh đã xảy ra

ở thời kỳ trung đại, cũng như đều hy vọng vào một viễn cảnh “hòa bình vĩnh cửu” trong tương lai. Vào đầu thế kỷ XIX, tình hình đã thay đổi một cách đáng kể. Hêghen đã đánh giá các cuộc chiến tranh và các cuộc xung đột xã hội theo một cách tiếp cận khác. Trước hết, ông bàn luận nhiều hơn về vai trò tích cực của các cuộc chiến tranh đối với sự phát triển của xã hội(6). Đồng thời, là người cổ súy cho quyền lực nhà nước hùng mạnh, Hêghen lên tiếng chống lại các cuộc nổi loạn và mất trật tự xã hội trong nội bộ đất nước mà theo ông, chúng làm suy yếu và làm lung lay sự thống nhất về mặt nhà nước.

Bản thân sự chuyển biến của quá trình lịch sử đặt ra nhu cầu phải nhận thức sâu sắc hơn các quá trình phát triển xã hội vốn rất phức tạp, do đó phải nhận thức sâu sắc hơn vai trò của các xung đột xã hội đối với đời sống xã hội. Trong thế kỷ XIX, sự chuyển biến của quá trình lịch sử kèm theo những biến đổi như vũ bão trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, tinh thần và các lĩnh vực khác của đời sống xã hội và điều đó không thể không ảnh hưởng đến nội dung của các lý luận, học thuyết về xã hội. Về sự phát triển xã hội, các lý luận, học thuyết đó bắt đầu nhìn nhận rằng, sự đấu tranh, các cuộc xung đột xã hội và các cuộc đụng độ không đơn giản là những hiện tượng có thể, mà là những hiện tượng tất yếu của thực tiễn xã hội. Hơn nữa, đã xuất hiện những lý luận, học thuyết muốn lý giải cho sự hiện diện dường như vĩnh cửu của các nguyên nhân dẫn đến xung đột xã hội và bằng cách đó, lý giải cho sự tất yếu mang tính nguyên tắc của các cuộc xung đột trong đời sống xã hội.

(5) Xem: I.Kant. *Tuyển tập gồm 6 tập*, t.6. Mátxcova, 1996, tr.266 (tiếng Nga).

(6) *Hợp tuyển triết học thế giới*, 4 tập, t.3. Mátxcova, 1971, tr.348 (tiếng Nga).

Trong công trình *Kinh nghiệm về quy luật dân số*, nhà kinh tế học người Anh, linh mục Tomax Mal'tutx (1766 - 1834) đưa ra cách lý giải mới về nhân tố chủ yếu làm tăng nạn thất nghiệp trong đất nước. Khi lý giải tai họa của dân số bằng những đặc điểm sinh học "vĩnh cửu", T.Mal'tutx đã nêu ra "quy luật tự nhiên" nào đó mà theo đó chỉ số dân số tăng theo cấp số nhân, còn các phương tiện sinh tồn tăng theo cấp số cộng. Do đó, theo T.Mal'tutx, nguyên nhân của tình trạng nghèo đói của nhân dân lao động, về mặt lịch sử không nằm trong những hậu quả của cuộc cách mạng công nghiệp và chính sách tước đoạt ruộng đất của nông dân, mà nằm trong "thói quen nông nổi" của giai cấp công nhân muốn sinh sôi một cách không hợp lý. Rõ ràng, trong quan điểm này của T.Mal'tutx về quá trình phát triển xã hội, sự đấu tranh của mọi người vì các phương tiện tồn tại là hiện tượng tất yếu, còn các cuộc xung đột xã hội có thể xảy ra là nhân tố vĩnh cửu của sự phát triển xã hội.

Vấn đề đấu tranh sinh tồn giữ vị trí trọng tâm trong học thuyết của nhà sinh học người Anh - S.Darwin (1809-1902). Nội dung cơ bản của học thuyết về sự tiến hóa sinh vật học được S.Darwin thể hiện trong cuốn *Sự chọn lọc tự nhiên là nguồn gốc của muôn loài hay là sự bảo tồn các giống tốt trong cuộc đấu tranh sinh tồn* được xuất bản năm 1859. Tư tưởng chính của công trình nghiên cứu này nằm ngay ở chính tên gọi của nó - sự phát triển của thế giới hữu cơ diễn ra trong các điều kiện của cuộc đấu tranh không ngừng vì sự sinh tồn và cuộc đấu tranh sinh tồn tạo ra cơ chế lựa chọn tự nhiên các loài thích nghi tốt hơn. Rất khó để khẳng định rằng S.Darwin có gán hay không gán những tư tưởng của mình với các quá trình phát triển xã hội. Ít nhất thì chúng ta cũng thấy các nhà nghiên cứu sự

ng nghiệp sáng tạo của S.Darwin không có quan điểm thống nhất về vấn đề này. Nhưng, sau S.Darwin đã xuất hiện cái gọi là "chủ nghĩa Darwin về xã hội" như một xu hướng mà những người ủng hộ nó cố gắng lý giải sự tiến triển của đời sống xã hội bằng những quy luật sinh học của sự lựa chọn tự nhiên và đấu tranh sinh tồn.

Dựa trên nguyên tắc đấu tranh sinh tồn, Gerbert Spenser (1820 - 1903) - một trong những ông tổ của chủ nghĩa thực chứng cũng đã nêu ra quan niệm tương tự. G.Spenser coi quy luật sống sót của những cá thể có khả năng thích nghi hơn là quy luật cơ bản của sự phát triển xã hội. Theo quan niệm của ông, trạng thái đối lập là trạng thái mang tính chất tổng hợp. Trạng thái đối lập này không chỉ bảo đảm sự cân bằng trong một phạm vi xã hội, mà còn bảo đảm sự cân bằng giữa xã hội và thế giới bao quanh nó. Quy luật xung đột, vì vậy được coi là quy luật chung và là quy luật cơ bản. Trong quan niệm của G.Spenser, giới hạn sự phát triển xã hội mang tính ổn định trước. Trong quá trình phát triển xã hội, quy luật này chỉ xuất hiện trên thực tế khi có sự mất cân bằng đáng kể giữa các dân tộc và chủng tộc.

Uliam Samnher (1840-1910) là người theo chủ nghĩa Darwin về xã hội nổi tiếng ở nước Mỹ cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX. Coi cuộc đấu tranh sinh tồn là nhân tố cơ bản của sự tiến hóa, Uliam Samnher cho rằng, trong cuộc đấu tranh sinh tồn, những kẻ chiến bại tức là những cá nhân kém cỏi và yếu đuối nhất sẽ bị tiêu diệt. Chính những người chiến thắng, mà ở nước Mỹ vào thời gian đó là những nhà công nghiệp thành đạt, những người tận tâm với công việc, những nhà hoạt động ngân hàng, v.v. là những người tạo ra những giá trị chung và do đó, họ là những người tốt nhất. Họ, theo Uliam Samnher, là sản phẩm mang

tính quy luật của chọn lọc tự nhiên; vì vậy, không nên coi sự bình đẳng do con người nghĩ ra là cơ sở chống lại sự chọn lọc tự nhiên đó. Từ đó, Uliam Samnher kiên quyết phản đối mọi sự can thiệp của nhà nước vào đời sống xã hội.

Với những quan điểm mang tính bảo thủ, Samnher cổ súy mạnh mẽ cho chủ nghĩa thực chứng trong xung đột học. Căn cứ vào những tư liệu phong phú của dân tộc học và sử học, Samnher trước hết nghiên cứu hệ thống các quy tắc hành vi điều chỉnh các quan hệ xã hội trong nội bộ nhóm và giữa các nhóm xã hội với nhau. Mối liên hệ của sự xung đột trong một nhóm xã hội với sự xung đột giữa các nhóm xã hội mà Samnher rút ra có ý nghĩa to lớn đối với việc nghiên cứu về xung đột xã hội.

Cách tiếp cận mới trong việc phân tích lý luận về xung đột xã hội được thể hiện trong các công trình nghiên cứu của luật gia Lút vích Gumplovích (1838-1909) - người đại diện cho trường phái Áo - Ba Lan của chủ nghĩa Darwin về xã hội. L.Gumplovích không lấy các đặc điểm sinh học, mà coi các đặc điểm của nền văn hóa là bản chất của sự khác biệt về chủng tộc khi khẳng định rằng, lịch sử toàn thế giới là lịch sử đấu tranh liên tục giữa các chủng tộc vì sự tồn tại của mình. Chủng tộc đặc biệt đó là kiểu văn hóa đặc biệt. Theo ông, phải tìm nguồn gốc của các cuộc xung đột xã hội không chỉ trong bản chất của con người, mà cả trong những hiện tượng đặc biệt của các nền văn hóa vốn rất phong phú và đa dạng. Từ đây, có thể thấy rằng bản thân sự xung đột xã hội có thể có sắc thái khác nhau, chẳng hạn như sắc thái tàn sát dã man hoặc sắc thái tranh luận tại các nghị viện. Theo L.Gumplovích, sắc thái xung đột xã hội đó được quyết định bởi nhu cầu đặc biệt của lối sống xã hội cụ thể và

các cuộc xung đột xã hội không phải là nhân tố duy nhất có vai trò quan trọng trong quá trình xã hội. Quá trình liên kết thống nhất hóa xã hội trên đó nhà nước và các cộng đồng xã hội rộng lớn hơn được thiết lập cũng giữ vai trò không kém phần quan trọng. Tuy nhiên, ngay cả trong quá trình hình thành nhà nước và các cộng đồng xã hội đó, xung đột xã hội vẫn giữ vai trò quyết định bởi sự liên kết của các nhóm xã hội vốn là kết quả của cuộc xung đột xã hội. Với tính cách là kết quả của cuộc đấu tranh giữa các nhóm xã hội với nhau, sự thống nhất về một lẽ lối mới là điều có thể xảy ra.

Các quan điểm của L.Gumplovích về bản chất của xung đột xã hội chủ yếu tập trung vào ba luận điểm chính sau đây: 1) các cuộc xung đột xã hội có tính chất khác nhau nhưng chúng đều là nhân tố thúc đẩy sự tiến bộ của lịch sử; 2) sự phân hóa xã hội thành những người thống trị và những người bị thống trị là hiện tượng vĩnh cửu; sự xung đột xã hội cũng xuất phát từ sự phân hóa đó; 3) các cuộc xung đột xã hội thúc đẩy sự thống nhất xã hội, thúc đẩy sự hình thành những mối liên kết rộng rãi hơn.

Hiện nay, tư tưởng của những người theo chủ nghĩa Darwin về xã hội ngày càng ít được quan tâm. Nhìn chung, người ta thiên về việc coi những tư tưởng này là "tài sản" của lịch sử hơn là tài liệu sống động phục vụ cho việc xây dựng những lý luận hiện đại về sự phát triển xã hội. Tuy nhiên, trong số đó có một số tư tưởng có ý nghĩa thực tiễn đối với việc giải quyết những vấn đề cấp thiết của đời sống xã hội hiện nay. Những người đại diện cho chủ nghĩa Darwin về xã hội đã miêu tả khá kỹ các cuộc xung đột xã hội vốn rất đa dạng và phong phú, phân tích và đánh giá ý nghĩa tích cực của chúng đối với việc hoàn thiện các hệ thống xã hội, chỉ rõ

tính quy luật của sự thay đổi về mặt xã hội, của thực trạng xung đột xã hội và ổn định xã hội, của chiến tranh và hoà bình.

Vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, xã hội học bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể tới việc nghiên cứu toàn bộ các vấn đề về xung đột xã hội. Sự xuất hiện của xã hội học với tính cách là khoa học độc lập nghiên cứu tính quy luật của những nhân tố thúc đẩy sự phát triển xã hội và hoạt động của các hệ thống xã hội đánh dấu một giai đoạn mới trong nhận thức của con người về đời sống xã hội. Trên cơ sở tri thức được rút ra từ triết học về xã hội dựa trên những định đề triết học mang tính chất tiên nghiệm của các nhà tư tưởng khác nhau, xã hội học chuyển sang xây dựng lý luận dựa trên những cứ liệu được đúc kết nhờ các phương pháp thực sự mang tính khoa học. Các phương pháp, như thống kê có lựa chọn, phỏng vấn theo bảng hỏi, tổng hợp có so sánh về mặt lịch sử, xây dựng mô hình nghiên cứu lý luận về các quá trình, được coi là phương tiện cần thiết để nhận thức các hiện tượng xã hội.

Các trường phái khác nhau trong xã hội học đều nghiên cứu các vấn đề của xung đột xã hội nhưng không phải trường phái nào cũng thừa nhận xung đột xã hội là phạm trù khởi đầu của các khái niệm của xã hội học, mặc dù thống nhất nhấn mạnh ý nghĩa quan trọng của các cuộc xung đột trong đời sống xã hội và nhu cầu cần thiết phải phân tích một cách sâu sắc khía cạnh lý luận của chúng.

Nhà xã hội học người Đức Heorg Zimmel (1858-1918) được coi là người đầu tiên sử dụng thuật ngữ khoa học "xã hội học xung đột". Ít nhất thì thuật ngữ này được ông đặt tên cho một trong những công trình nghiên cứu của mình đã xuất bản vào đầu

thế kỷ XX. Là người đại diện cho xã hội học hình thức - biến dạng của học thuyết Canto mới, H.Zimmel đề nghị không nhận thức bản chất của quá trình lịch sử, mà nên phân tích "các hình thức thuần túy" của giao tiếp xã hội và của sự tác động qua lại lẫn nhau. Trong số những hình thức tác động qua lại lẫn nhau tương đối bền vững, chẳng hạn như uy tín, hợp đồng, trực thuộc, hợp tác, v.v. thì xung đột giữ một vị trí đặc biệt. Theo ông, xung đột xã hội là hình thức bình thường và đặc biệt quan trọng của đời sống xã hội. Xung đột xã hội thúc đẩy sự liên kết xã hội, xác định tính chất của cấu trúc xã hội mới, củng cố nguyên tắc và các quy tắc tổ chức chung.

Quan điểm của H.Zimmel được các nhà xã hội học nổi tiếng đại diện cho trường phái Chicagô, như Robert Park (1864 - 1944), Ernst Berdzhess (1886-1966), Albion Smoll (1854 - 1926) chia sẻ.

Các nhà xã hội học nhìn nhận quá trình xã hội trên bốn dạng của mối liên hệ mật thiết và tác động qua lại lẫn nhau: tranh đua, xung đột, thích nghi, đồng hóa. Các cuộc xung đột xã hội giữ vị trí trung tâm trong số các dạng trên đây của sự tác động qua lại lẫn nhau trong xã hội, giữ vai trò chuyển tiếp từ dạng tranh đua đến dạng thích nghi và tiếp đó là dạng đồng hóa và như vậy, là khởi nguồn quan trọng của những thay đổi xã hội. Mục đích thực tiễn của xã hội học là góp phần biến các cuộc xung đột xã hội thành sự hợp tác, làm hài hòa các mối quan hệ giữa những nhóm xã hội khác nhau.

3. Xung đột học và chủ nghĩa Mác

Từ cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, các nhà xung đột học đã quan tâm đến lý luận xã hội học của C.Mác. Điều đó không hoàn toàn ngẫu nhiên. Xã hội học mácxít đã hiệu

chính đáng kể những quan điểm ngự trị lúc bấy giờ về các quá trình phát triển xã hội.

Theo C.Mác, sống trong xã hội, không tùy thuộc vào các mối quan hệ ý chí hay lý trí, con người buộc phải liên kết lại với nhau. Chính sự hiện diện của các mối quan hệ đó tạo ra tính xã hội của chúng với tính cách các vấn đề xã hội đặc thù, mà bằng khoa học có thể nhận thức được một cách khách quan.

Theo quan điểm của C.Mác, cơ cấu xã hội có bốn yếu tố cơ bản: các lực lượng lao động, các quan hệ lao động, thượng tầng chính trị và các hình thái ý thức xã hội. Như vậy, hệ thống các yếu tố cơ bản của cơ cấu xã hội đã được sắp xếp lại và hệ thống các mối liên hệ mật thiết qua lại giữa những yếu tố đó tạo thành nền tảng lý luận chung của xã hội học mácxít.

Đồng thời, lý luận xã hội học mácxít không chỉ là bộ phận chính của xã hội học nghiên cứu một cách có cơ sở khoa học lý luận chung về xã hội, mà còn là hệ thống lý thuyết tương đối hoàn chỉnh về xung đột xã hội.

Trên mọi mức độ nhận thức về các quá trình xã hội, chủ nghĩa Mác đều thừa nhận các cuộc xung đột xã hội, các mâu thuẫn đối kháng là những hiện tượng có thể xảy ra; còn trong những điều kiện của cuộc đấu tranh giai cấp khốc liệt trong khuôn khổ của cái gọi là "các hình thức đối kháng", chúng là những hiện tượng tất yếu của đời sống xã hội.

Cả C.Mác lẫn Ph.Ăngghen đều tin tưởng rằng, mâu thuẫn đối kháng về lợi ích giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản chỉ giải quyết được trong quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa - cuộc cách mạng thủ tiêu chế độ sở hữu tư nhân đối với tư liệu sản xuất, xây dựng những điều kiện để xóa bỏ các quan hệ đối kháng, xóa bỏ các giai cấp bóc lột vốn không muốn từ bỏ sở hữu và địa vị thống trị của mình. Sự hiểu biết về

những vấn đề này liên quan đến khá nhiều vấn đề có quan hệ trực tiếp với hệ vấn đề về xung đột xã hội. Cách đặt vấn đề và giải quyết vấn đề, như động lực cách mạng và mối quan hệ biện chứng của động lực cách mạng, nghệ thuật lãnh đạo cuộc khởi nghĩa vũ trang và lôgic của việc lôi kéo đồng minh đứng về phía giai cấp công nhân, ngăn chặn cuộc phản cách mạng và tổ chức công tác trong điều kiện hòa bình cũng như những vấn đề tương tự khác từ lập trường mácxít, tạo ra kinh nghiệm phân tích lịch sử cụ thể các tình huống xung đột xã hội phong phú và đa dạng.

Chủ nghĩa Mác trong thế kỷ XIX luôn coi trọng hành động cách mạng, thể hiện rõ nét nhất trong chương kết thúc *Đấu tranh giai cấp ở nước Pháp*; trong đó, C.Mác trực tiếp kêu gọi những người công nhân và những người dân chủ không ngả theo những ảo tưởng sửa đổi Hiệp pháp, không tuyệt đối hóa nền dân chủ tư sản và các phương pháp cải lương, không thỏa hiệp vì nhân danh một thế giới dân sự tưởng tượng ra. Ông cũng tin tưởng rằng, chỉ thông qua con đường đấu tranh, các hành động ngoài nghị trường với sự "áp lực từ bên ngoài" mới có thể đạt được kết quả mong muốn, mới có thể tạo ra được những thay đổi lớn lao trong xã hội. Sự hưng phấn mang tính cách mạng đó của C.Mác đã được thời đại lúc bấy giờ chứng minh.

Trong nửa đầu của thế kỷ XX, xuất hiện một khuynh hướng khoa học mà những người đại diện là V.Papeto, G.Moska, Zh.Corel', Ph.Oppengejmer, A.Bentli không chỉ lưu tâm nghiên cứu các cuộc xung đột xã hội và những thay đổi trong đời sống xã hội, mà còn chú trọng nghiên cứu cả sự đồng thuận xã hội và sự ổn định xã hội.

Vilophredô Papetô (1848 - 1923) - nhà nghiên cứu người Italia vốn nổi tiếng với lý luận về giới thượng lưu trong xã hội đã

nhấn mạnh tính hai mặt của bản chất con người, cho rằng, cái đặc trưng của con người không hẳn chỉ là trí tuệ, mà chủ yếu là khả năng sử dụng trí tuệ đó vào những mục đích tư lợi. Do vậy, con người cần đến các học thuyết về xã hội mà xét về hình loại, chúng rất khác nhau để che đậy những động cơ thực sự trong hoạt động của mình. Theo đó, bất kỳ một học thuyết nào về xã hội, bất kỳ một hệ tư tưởng nào cũng là cái bình phong bằng những cấu trúc logic bên ngoài che đậy tính chất loại hành vi, những cảm nghĩ và những tâm trạng nhất định của con người. Như vậy, hành vi xã hội của mọi người bị quyết định bởi các dạng tâm lý khác nhau của họ.

Khi khẳng định vai trò nền tảng của tâm lý con người, V.Papetô đã coi tính không đồng nhất về mặt xã hội của xã hội là người bạn đồng hành vĩnh cửu của đời sống xã hội, bởi sự khác nhau về đặc điểm sinh học giữa các cá thể cũng mang tính vĩnh cửu. Đối với ông, tính biến dị về mặt xã hội của xã hội, trước hết thể hiện ở sự chia rẽ xã hội thành số đông người bị quản lý và một số lượng không lớn người quản lý vốn được gọi là giới thượng lưu trong xã hội.

Sự thay thế nhau của giới thượng lưu trong xã hội và sự đấu tranh giữa chúng, theo V.Papetô, cũng tạo nên bản chất của chính bản thân xã hội. Các cuộc xung đột xã hội vốn rất đa dạng và không ít cuộc kéo theo các quá trình tiến bộ xã hội, nhưng vai trò và ý nghĩa của chúng tùy thuộc vào giai đoạn phát triển cụ thể của giới thượng lưu nắm quyền lực. Các cuộc xung đột xã hội có thể làm ổn định hệ thống chính trị, duy trì trạng thái cân bằng trong sự vận động của xã hội, nhưng cũng có thể dẫn đến những biến đổi cơ bản trong tính chất cách mạng và bằng cách đó, đảm bảo cho quá trình thay thế giới thượng lưu được "xoay vần" một cách liên tục.

Cùng với V.Papetô, luật gia người Italia - Gaetano Moska (1858 - 1941) - một trong những người đặt nền móng cho chính trị học, được coi là người xây dựng nên học thuyết về giới thượng lưu. Công trình *Bàn về giai cấp nắm chính trị hoặc nắm quyền lực* (các yếu tố của chính trị học) của ông xuất bản năm 1896 đã khởi đầu cho sự phát triển nghiên cứu chính trị hiện đại ở Italia. G.Moska coi sự phân chia xã hội thành giai cấp thống trị nắm quyền lực chính trị, nắm giữ tất cả các chức năng của nhà nước và sử dụng những đặc quyền đặc lợi có được từ quyền lực chính trị cũng như những chức năng đó và giai cấp bị thống trị vốn đông đảo, hơn nữa không được tổ chức tốt, là hiện tượng vĩnh cửu. Dù tồn tại trong hàng thập kỷ cái ảo tưởng hoang đường về một chính phủ nhân dân và về chủ quyền nhân dân, song quyền lực thực tế vẫn nằm trong tay "giai cấp nắm quyền lực chính trị".

G.Moska nghiên cứu "nền kinh tế chính trị mang tính khoa học" là vì ông mong muốn chính trị, khi nằm trong tay giới thượng lưu, trở thành công cụ đảm bảo cho giai cấp thống trị được hình thành không trên cơ sở tài sản hoặc cơ sở tương tự nào khác, mà là trên cơ sở trí tuệ, khả năng học vấn và sự cống hiến của các đại diện của giai cấp đó. Theo Moska, trong một tương lai xa mới có thể đạt được thành tựu của tư tưởng "những người xứng đáng nắm quyền lực" mà ông lập luận trên đây, còn từ nay đến đó vẫn sẽ xảy ra cuộc đấu tranh giai cấp, khi mà sự cưỡng chế và các cuộc xung đột xã hội tiếp tục giữ một vai trò quan trọng trong quá trình chuyển biến và ổn định xã hội. Sự tương hợp giữa bản chất của giai cấp này hay của giai cấp khác với những nhu cầu cụ thể của thời đại là lối thoát cho cuộc đấu tranh đó.

Jorijo Copel' (1847 - 1922) - nhà xã hội học, nhà triết học người Pháp cũng đánh giá cao vai trò của cưỡng chế và đấu tranh chính trị đối với quá trình phát triển xã hội, coi cưỡng chế là hình thức cai trị cơ bản và là phương thức sáng tạo lịch sử cao nhất. Trong *Suy nghĩ về sự bạo lực* xuất bản năm 1907, Copel' nghiên cứu chuyện hoang đường và bạo lực, những khái niệm chủ yếu trong học thuyết của ông về chính trị và xã hội. Copel' giải thích chuyện hoang đường là một thứ mệnh lệnh kích thích và liên kết hành động mang tính chất cảm giác - tâm lý, dựa trên niềm tin. Chuyện hoang đường, theo Copel', là sự hoàn chỉnh về mặt tâm lý xã hội, không bị tha hóa, không dễ phân tích, phê phán và bác bỏ một cách hợp lý. Trong chuyện hoang đường có thể thấy sự thể hiện niềm tin, ý thức, lợi ích, khát vọng của một nhóm xã hội nhất định. Copel' xếp những tư tưởng về các cuộc xung đột xã hội lớn nhất (các cuộc cách mạng, các cuộc nổi dậy lớn) vào số những câu chuyện hoang đường. Trong lý thuyết của Copel', các cuộc xung đột chính trị và xã hội là dấu hiệu phi lý của xã hội và của lịch sử, là sự phủ nhận đối với những tư tưởng tiến bộ xã hội, là sự thừa nhận cũng như khuyến khích phong trào tự phát và lộn xộn của quần chúng chống lại chế độ xã hội đương thời.

Phrans Oppenghejmer (1864 - 1943) - nhà nghiên cứu người Đức có quan điểm chính trị hơi khác về xung đột xã hội. Ông đặc biệt quan tâm đến vấn đề nguồn gốc của nhà nước và những đặc điểm của các quá trình phát triển xã hội diễn ra trong nhà nước, cho rằng các nguyên nhân kinh tế không giữ vai trò quyết định đối với sự hình thành nhà nước. Theo ông, nhà nước là "chế định pháp lý có tính chất cưỡng bức

mà một nhóm người - những người chiến thắng bắt buộc một nhóm người khác phải thực hiện". Khi kịch liệt phê phán những quan điểm thừa nhận vai trò của các nhân tố nội tại của quá trình phát triển kinh tế và xã hội đối với sự hình thành các giai cấp và nhà nước, Phrans Oppenghejmer coi những quan điểm này là "xuất phát điểm của mọi điều tệ hại của xã hội học cả trong lý luận lẫn trong thực tiễn". Nhà nước, theo Phrans Oppenghejmer, có thể hình thành bằng con đường thuần túy là nô dịch và khuất phục mọi người. Do đó, quan hệ giai cấp, xét về thực chất, là không thay đổi. Ông cho rằng, sự thay đổi trong xã hội có chăng chính là sự thay thế của các hình thức bóc lột - từ bóc lột bằng bạo lực đến bóc lột bằng cưỡng bức chính trị và kinh tế.

Artur Bently - nhà tư tưởng người Mỹ - lại nghiên cứu học thuyết chính trị hoàn toàn khác với các nhà tư tưởng châu Âu. Ông đặc biệt lưu ý đến đời sống chính trị, coi đó là quá trình hoạt động chính trị trong xã hội. Khái niệm cơ bản trong học thuyết của Artur Bently là khái niệm các nhóm, trong đó có nhóm chính trị. Trên phương diện chính trị, những nhóm như vậy không chỉ là các đảng chính trị, mà còn là những thiết chế khác mà chỉ thông qua việc phân tích hoạt động mới có thể làm sáng tỏ vị trí, vai trò và mục đích của chúng. Khi tiến hành hoạt động, các nhóm chính trị đều thực hiện lợi ích của mình. Cũng như các nhà chính trị đại diện cho các nhóm lợi ích cụ thể, các đảng chính trị hoạt động trong hoàn cảnh chính trị - xã hội mà các nhóm lợi ích khác cũng hoạt động. Sự đụng độ giữa các nhóm lợi ích khác nhau đó hình thành nên đời sống chính trị của xã hội. Xét về hình thức biểu hiện thì đời sống chính trị của xã hội là

tổng thể nhiều nhân tố của việc sử dụng sức mạnh. Tuy nhiên, Artur Bently cho rằng, sẽ là thích hợp hơn nếu sử dụng thuật ngữ “áp lực” mà theo ông, không hoàn toàn chỉ phản ánh sự cưỡng bức về thân thể. “Thế quân bình về áp lực nhóm - Artur Bently viết, là trạng thái bình thường của xã hội. Khái niệm “áp lực” là một khái niệm tương đối rộng để bao hàm được tất cả các hình thức ảnh hưởng của nhóm đối với nhóm, từ đấu tranh và biểu tình đến những cuộc tranh luận mang tính trù tuợng”.

Như vậy, các quan niệm về sự phát triển xã hội cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX nhìn từ góc độ pháp luật và chính trị - xã hội cho thấy rõ nhu cầu nghiên cứu lý luận của toàn bộ hệ thống các vấn đề về xung đột xã hội. Nhu cầu đó chủ yếu được phân tích dựa trên nền tảng phương hướng có tính phương pháp luận của chủ nghĩa Darwin về xã hội, của xã hội học phương Tây, của chính trị học và của luật học. Những ưu điểm cũng như những nhược điểm tạo thành thực chất của hiện tượng hết sức phức tạp như xung đột xã hội, ở mức độ đáng kể, được xác định bởi các đặc điểm phương pháp luận của những phương hướng nghiên cứu đó. Và chúng ta không nghi ngờ về sự ảnh hưởng nhất định của những sự kiện chính trị và xã hội lúc đó đối với các kết luận mang tính lý luận về những vấn đề chung của sự phát triển xã hội cũng như về xung đột xã hội. Khi bàn về những tư tưởng cơ bản vốn đã được thể hiện trong các học thuyết về sự phát triển xã hội của thời kỳ này, chúng ta có thể lựa chọn trong số đó những tư tưởng có tính phổ quát và tính thời sự đối với các quan điểm hiện đại về xung đột xã hội.

Từ những phân tích trên đây, có thể rút ra một số kết luận sau đây:

Thứ nhất, đó là tư tưởng cho rằng, xung đột xã hội là hiện tượng xã hội bình thường. Các yếu tố sinh học, tâm lý, xã hội và những yếu tố khác nữa là những yếu tố vốn có trong bản chất con người, nhất định làm nảy sinh những tình huống xung đột vốn rất đa dạng và phong phú.

Thứ hai, tư tưởng cho rằng các cuộc xung đột xã hội giữ vai trò tích cực đối với quá trình phát triển xã hội. Chúng đảm bảo cho đời sống xã hội vận động và phát triển theo xu hướng tiến bộ chung, góp phần duy trì sự thống nhất giữa các bộ phận cấu thành xã hội, xác lập các quy phạm và các giá trị xã hội có ý nghĩa chung.

Thứ ba, tư tưởng khẳng định có mối liên hệ và sự phụ thuộc lẫn nhau giữa trạng thái xung đột của sự phát triển xã hội với kiểu cấu trúc xã hội sinh ra trạng thái xung đột đó, tức tư tưởng xác định trạng thái xung đột về mặt cấu trúc.

Thứ tư, đó là luận điểm cho rằng, sự mâu thuẫn giữa số ít những người thống trị với số đông những người bị thống trị là hiện tượng tất nhiên và vĩnh cửu làm phát sinh các vụ va chạm, xích mích và xung đột xã hội.

Thứ năm, tư tưởng thừa nhận mối liên hệ và sự phụ thuộc lẫn nhau giữa những thay đổi của đời sống xã hội trên các mặt kinh tế, chính trị, tinh thần với những tình huống xung đột vốn là kết quả của những thay đổi đó, tức tư tưởng thừa nhận có sự xung đột về chức năng (hoạt động).

Thứ sáu, tư tưởng khẳng định trạng thái cân bằng trong sự vận động của quá trình phát triển xã hội, khi những lợi ích của các nhóm xã hội khác nhau vốn không trùng hợp nhau có được sự cân bằng là nhờ các cuộc xung đột nảy sinh và được giải quyết tạo ra sự cân bằng nhất định về mặt xã hội. □